

Số: 529 /TBHH-CVHHTH

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng tàu, vùng quay tàu và vùng đậu tàu cầu cảng số 1, 2, 2A, 3, 4, 5 thuộc Bến cảng Quốc tế Nghi Sơn

Vùng biển: Thanh Hóa

Tên luồng: Luồng vào Bến cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét đơn đề nghị số 032/ĐN.25/NSIP-BGD ngày 08/7/2025 của công ty TNHH cảng Quốc tế Nghi Sơn và các hồ sơ gửi kèm theo;

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa thông báo về thông số kỹ thuật của luồng tàu, vùng quay tàu và vùng đậu tàu cầu cảng số 1, 2, 2A, 3, 4, 5 thuộc Bến cảng Quốc tế Nghi Sơn, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ như sau:

1. Luồng tàu

1.1. Đoạn luồng nhánh từ vùng quay tàu phía hạ lưu đến vùng quay tàu phía thượng lưu vào cầu 1, 2, 2A:

Trong phạm vi đáy luồng rộng 80m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải độ sâu đạt: 10.2m (mười mét hai).

1.2. Đoạn luồng nhánh vào cầu cảng số 3, 4:

Trong phạm vi đoạn luồng nhánh vào cầu cảng số 3, 4 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
TL1	19°18'55.2"	105°48'38.6"	19°18'51.6"	105°48'45.3"
TL2	19°18'56.2"	105°48'45.6"	19°18'52.6"	105°48'52.3"
TL3	19°19'00.3"	105°48'40.8"	19°18'56.8"	105°48'47.6"
TL5	19°19'16.3"	105°48'36.9"	19°19'12.7"	105°48'43.6"
KN4	19°19'15.6"	105°48'33.5"	19°19'12.0"	105°48'40.2"

Độ sâu đạt: 11.0m (mười một mét).

Lưu ý: - Dải cạn có độ sâu từ 10.3m đến 10.8m, nằm phía bên phải luồng, kéo dài từ điểm TL2 về phía thượng lưu khoảng 45m, khu vực rộng nhất lấn vào luồng khoảng 4m.

1.3. Đoạn luồng nhánh vào cầu cảng số 5:

Trong phạm vi đoạn luồng nhánh vào cầu cảng số 5 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A3	19°19'15.4"	105°48'32.7"	19°19'11.8"	105°48'39.4"
A4	19°19'15.8"	105°48'34.5"	19°19'12.2"	105°48'41.3"
A5	19°19'19.7"	105°48'33.6"	19°19'16.1"	105°48'40.3"
KN5'	19°19'19.8"	105°48'31.6"	19°19'16.2"	105°48'38.3"

Độ sâu đạt: 8.2m (tám mét hai).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 2.9m đến 8.2m, nằm tại phía thượng lưu, kéo dài từ điểm A5 đến điểm KN5', khu vực rộng nhất lấn vào luồng khoảng 18m;

2. Vùng quay tàu

2.1. Vùng quay tàu phía thượng lưu

Trong phạm vi vùng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 140m, tâm O2 có tọa độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
19°18'49.0"	105°48'20.7"	19°18'45.4"	105°48'27.5"

Độ sâu đạt: 9.5m (chín mét rưỡi).

2.2. Vùng quay tàu trước cầu cảng số 3, 4, 5

Trong phạm vi vùng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 140m, tâm O4 có tọa độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
19°19'14.9"	105°48'36.2"	19°19'11.3"	105°48'42.9"

Độ sâu đạt: 11.0m (mười một mét).

3. Vùng nước đậu tàu cầu cảng số 1, 2, 2A, 3, 4, 5

3.1. Cầu cảng số 1

Trong phạm vi vùng đậu tàu trước cầu cảng được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A	19°18'54.4"	105°48'26.5"	19°18'50.8"	105°48'33.3"
B	19°18'52.3"	105°48'26.5"	19°18'48.7"	105°48'33.3"
GT18	19°18'52.3"	105°48'35.8"	19°18'48.7"	105°48'42.5"
GT17	19°18'54.3"	105°48'35.8"	19°18'50.8"	105°48'42.5"

Độ sâu đạt: 12.1m (mười hai mét một).

3.2. Cầu cảng số 2

Trong phạm vi vùng đậu tàu trước cầu cảng được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A	19°18'54.4"	105°48'26.5"	19°18'50.8"	105°48'33.3"
B	19°18'52.3"	105°48'26.5"	19°18'48.7"	105°48'33.3"
H	19°18'52.4"	105°48'18.0"	19°18'48.8"	105°48'24.7"
H5	19°18'54.4"	105°48'18.0"	19°18'50.8"	105°48'24.7"

Độ sâu đạt: 12.0m (mười hai mét).

- Dải cạn có độ sâu từ 11.9m đến 10.4m, nằm dọc theo tuyến mép cầu, từ điểm A về thượng khoảng 58m đến thượng lưu điểm A khoảng 138m. Khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 5m;

3.3. Cầu cảng số 2A

Trong phạm vi vùng đậu tàu trước cầu cảng được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
GT12	19°18'51.8"	105°48'12.9"	19°18'48.3"	105°48'19.7"
H6	19°18'54.4"	105°48'12.9"	19°18'50.9"	105°48'19.7"

H5	19°18'54.4"	105°48'18.0"	19°18'50.8"	105°48'24.7"
I	19°18'51.8"	105°48'18.0"	19°18'48.2"	105°48'24.7"

Độ sâu đạt: 9.2m (chín mét hai).

Lưu ý:

- Dải cạn phía thượng lưu cầu kéo dài từ điểm H6 đến điểm GT12 có độ sâu hạn chế từ 0.2m (không mét hai trên mực nước số "0" hải đồ) đến 9.2m (chín mét hai), khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 21m;

- Dải cạn có độ sâu hạn chế từ 0.4m (không mét bốn trên mực nước số "0" Hải đồ) đến 8.8m (tám mét tám), nằm dọc theo tuyến mép cầu, từ điểm H6 kéo dài về phía hạ lưu cầu khoảng 48m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 9m.

3.4. Cầu cảng số 3:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
H3	19°18'56.0"	105°48'35.9"	19°18'52.5"	105°48'42.6"
KN2	19°18'56.6"	105°48'38.3"	19°18'53.0"	105°48'45.0"
KN3	19°19'06.1"	105°48'35.9"	19°19'02.5"	105°48'42.6"
B2	19°19'05.5"	105°48'33.6"	19°19'02.0"	105°48'40.3"

Độ sâu đạt: 13.0m (mười ba mét).

Lưu ý: Điểm cạn nằm sát mép cầu cách điểm H3 về phía thượng lưu 38m có độ sâu 12.8m (mười hai mét tám).

3.5. Cầu cảng số 4:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
H1	19°19'15.0"	105°48'31.2"	19°19'11.5"	105°48'37.9"
B2	19°19'05.5"	105°48'33.6"	19°19'02.0"	105°48'40.3"
KN3	19°19'06.1"	105°48'35.9"	19°19'02.5"	105°48'42.6"
KN4	19°19'15.6"	105°48'33.5"	19°19'12.0"	105°48'40.2"

Độ sâu đạt: 13.0m (mười ba mét).

3.6. Cầu cảng số 5:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
H1	19°19'15.0"	105°48'31.2"	19°19'11.5"	105°48'37.9"
A3	19°19'15.4"	105°48'32.7"	19°19'11.8"	105°48'39.4"
KN5'	19°19'19.8"	105°48'31.6"	19°19'16.2"	105°48'38.3"
B4'	19°19'19.5"	105°48'30.1"	19°19'15.9"	105°48'36.8"

Độ sâu đạt: 9.5m (chín mét rưỡi).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu hạn chế từ 3.5m đến 9.4m, nằm tại phía thượng lưu của vùng nước, kéo dài từ điểm B4' đến điểm KN5', khu vực rộng nhất lấn vào khu nước khoảng 15m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy hành hải trên các đoạn luồng nhánh và vùng đậu tàu thuộc Bến cảng Quốc tế Nghi Sơn đi đúng tuyến luồng, theo hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng, đồng thời lưu ý các khu vực có dải cạn nêu trên./.

Ghi chú: Truy cập nội dung công bố thông báo hàng hải tại địa chỉ <https://cangvuhanghaithanhhoa.com.vn/thong-bao-hang-hai>.

Nơi nhận:

- Cục HHĐTVN (để b/cáo);
- PGĐ Nguyễn Xuân Sơn (để b/cáo);
- Các Cảng vụ: Hàng hải, Đường thủy nội địa;
- Công ty TNHH cảng Quốc tế Nghi Sơn;
- Tổng C.ty BĐATHH Việt Nam (th/báo trên website);
- Trung tâm PHTKCN hàng hải khu vực II;
- C.ty TNHH MTV Hoa tiêu miền Bắc;
- CN C.ty TNHH MTV HT miền Bắc - Hoa tiêu VI;
- Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm ATHH miền Bắc;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Bộ tư lệnh Hải quân;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;
- Hiệp hội Cảng biển Việt Nam;
- Các Hiệp hội chủ tàu;
- Các Doanh nghiệp vận tải biển;
- Các Doanh nghiệp cảng biển;
- Các C.ty Đại lý hàng hải;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (để thông báo trên đài duyên hải);
- Website Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa;
- Lưu: VT, QLCKHT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Thủy